

Bản án số: 23/2026/DS-ST

Ngày: 16-01-2026

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản
và Hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thành Dương;

2. Bà Bùi Thu Hảo;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Huỳnh Đức Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 633/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 717/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 561/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1968.

Căn cước công dân số 082168001000, cấp ngày 10/4/2021;

Địa chỉ: ấp H, xã V, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2/ *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ U, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H trình bày:*

Do quen biết nên vào ngày 13/05/2022 (âm lịch) nhằm ngày 11/6/2022 dương lịch, bà có cho chị U vay số tiền 52.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất là 6%/tháng. Thời gian vay là 07 tháng, đến

ngày 13/12/2022(âm lịch), nhằm ngày 11/01/2023 dương lịch là phải trả lại tiền cho bà nhưng từ khi vay đến nay chị U không trả tiền cho bà cả gốc và lãi.

Nay bà yêu cầu chị U trả cho bà số tiền vay là 52.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 0,83%/ tháng, tính từ ngày 11/01/2023 đến ngày 29/10/2025 là 14.501.000 đồng.

Ngoài ra chị U có tham gia hội của tôi do bà làm thảo cụ thể:

Dây 1: Hội trị giá 5.000.000 đồng/phần, gồm 24 phần: Khai ngày 10/03/2021 (âm lịch) măn 10/02 (trước)/2023 (âm lịch) (do nhuần 02 tháng 02/2023). Chị U tham gia: 01 phần, đã hốt 01 phần ở kỳ thứ 04 vào ngày 10/06/2021 (âm lịch), số tiền là 76.900.000 đồng. Chị U phải đóng hội chết là 20 tháng với số tiền là 100.000.000 đồng. Chị U đóng hội chết được 04 kỳ, từ kỳ thứ 5 đến kỳ thứ 8 là 20.000.000 đồng. Chị U còn nợ lại: 16 kỳ là 80.000.000 đồng.

Dây 2: Hội trị giá 2.000.000 đồng/phần. Gồm: 15 phần: Khai ngày 20/06/2022 (âm lịch) măn ngày 20/07/2023 (âm lịch) (do nhuần 02 tháng 2/2023). Chị U tham gia: 01 phần; đã hốt ở kỳ thứ 9 vào ngày 20/02/2023 (âm lịch, tháng 02 trước) với số tiền hội là 25.200.000 đồng. Chị U phải đóng hội chết 06 tháng là 12.000.000 đồng. Chị U không đóng hội chết được tháng nào nên còn nợ lại là 12.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ hội là 92.000.000 đồng. Sau đó chị U đóng được 5.000.000 đồng nên còn nợ hội là 87.000.000 đồng.

Do chị U không đóng hội chết, bà là thảo hội nên đã bỏ tiền ra chàng cho chị U để duy trì 02 dây hội trên đến măn và giao tiền đầy đủ cho các hội viên khác.

Trong đơn khởi kiện bà có trình bày đối với dây hội thứ 02, chị U thiếu là 14.280.000 đồng, trong đó 12.000.000 đồng hội chết (06 tháng) và 2.280.000 đồng tiền hội sống của tháng 7, tháng 8/2022 chị U đóng còn thiếu. Lúc giao hội bà có nói chị U trừ luôn nhưng chị U nói là dù sao cũng còn thiếu tiền, giao đủ cho chị U đi, sau này chị U đóng luôn nhưng do sơ ý bà không có ghi chú lại cho chị U ký tên, chỉ bỏ trống trong sổ hội. Nay bà xin rút lại yêu cầu số tiền 2.280.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ U phải trả cho bà số tiền tổng cộng là: 87.000.000 đồng + 52.000.000 đồng + 14.501.000 đồng = 153.501.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Chị Huỳnh Thị Mỹ U là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ, không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay và nợ hui. Căn cứ vào các Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà H có mặt. Bị đơn chị U vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về nội dung vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu chị U phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền hui còn nợ là 87.000.000 đồng; tiền vay gốc là 52.000.000 đồng và 14.501.000 đồng tiền lãi của tiền vay. Tổng cộng là 153.501.000 đồng. Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu trả số tiền hui là 2.280.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp các biên nhận giao hui, vay tiền. Bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu trả tổng cộng số tiền là 159.349.653 đồng nhưng tại phiên tòa bà yêu cầu số tiền là 153.501.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền và chơi hui giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, thể hiện qua biên nhận mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án; trong biên nhận thể hiện chị U có vay của bà H số tiền 52.000.000 đồng vào ngày 13/5/2022 âm lịch (nhằm ngày 11/6/2022 dương lịch), thời gian trả 07 tháng đến ngày 13/12/2022 âm lịch (nhằm ngày 11/01/2023 dương lịch), không thể hiện lãi suất; Đồng thời các biên nhận giao hui ngày 30/02/2023 (âm lịch, tháng 02 trước do nhuận 02 tháng 02/2023); ngày 06/7/2021 (âm lịch) thể hiện chị U có nhận đủ tiền hui và có nghĩa vụ phải đóng tiền hui chết cho đến mãn hui. Nguyên đơn thừa nhận có nhận tiền hui chết tổng cộng là 25.000.000 đồng cho 02 dây hui, nên còn nợ là 112.000.000 đồng - 25.000.000 đồng = 87.000.000 đồng.

Xét thấy bà H là thảo hui, theo quy định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ thì nghĩa vụ của thảo hui là nộp thay phần hui của thành viên nếu đến kỳ mở hui mà có thành viên không góp phần hui nên việc bà H

choàng hụi cho chị U là nghĩa vụ của bà H, bà H được quyền yêu cầu chị U trả lại phần tiền hụi đã choàng sau khi đã kết thúc dây hụi.

Bị đơn là chị U đã được triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm nhưng chị vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy chị U đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về yêu cầu tính lãi: Bà H yêu cầu lãi chậm trả của số tiền vay là 52.000.000 đồng, với lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 14.501.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Về thời gian trả tiền: Xét thấy số tiền trên chị U nợ đã lâu, hụi đã mãn, nhưng chị U đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà H đã nhiều lần yêu cầu chị U trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn cố tình vắng mặt gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn, nên cần buộc bị đơn trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147, Điều 227, 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H.

Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ U có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền là 153.501.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị U phải chịu 7.675.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H1 lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.983.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007453 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh ĐT;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo

